

## CẢM THÁN HIỂN NGÔN VÀ CẢM THÁN HÀM NGÔN

### The explicit exclamative sentence and the implicit exclamative sentence

NGUYỄN HỒNG NGỌC

(TS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội)

**Abstrat:** In Vietnamese, there are two kinds of exclamative sentences: Explicit and Implicit. In the explicit exclamative sentence, the meaning is expressed directly by the lexicology words as well as exclamative words. In the implicit exclamative sentences, the meaning is expressed indirectly, and it must be understood in a form of questions or intonations... In daily activities, exclamations, which make life more vivid, are very common. So they should be paid much attention both in learning and in teaching Vietnamese.

**Key words:** exclamative words; exclamation sentences; direct expression; indirect expression; explicit meaning; implicit meaning.

1. Cảm thán là một hình thức ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày. Cảm thán có lúc ẩn, lúc hiện, lúc thực, lúc giả. Có lúc người ta cảm thán một mình, cho mình, vì mình, lại có lúc người ta cảm thán với người, cho người, vì người. Khi sử dụng ngôn ngữ, người ta muốn truyền đạt đến người tiếp nhận những gì mình muốn nói. Cái muốn nói ấy có thể được thể hiện trực tiếp qua ngôn từ trong câu nhưng cũng có thể phải qua suy đoán mới cảm nhận thấy được. Vì vậy mới có vấn đề về nghĩa của từ, ý của lời và ý nghĩa của câu. Muốn thấy rõ được những điều đó phải chú ý "nghiên cứu phân ý nghĩa thuộc về người nói", "nghiên cứu ý nghĩa của ngữ cảnh", "nghiên cứu những ý nghĩa không biểu lộ" trong hình thức ngôn ngữ. Đó cũng chính là những vấn đề của ngữ dụng học (theo George Yule, 1997) [1, tr 20-21]. Xem xét câu cảm thán từ góc độ ngữ dụng là phải thấy được mối liên hệ giữa các hình thức cấu trúc của câu cảm thán với các thực thể trong thế giới hiện thực, với người sử dụng và người tiếp nhận các hình thức đó, với các tình huống sử dụng chúng.

Khi xem xét câu cảm thán tiếng Việt từ góc độ ngữ dụng và từ thực tế sử dụng câu cảm thán trong đời sống hàng ngày, chúng tôi phát hiện ra các cặp đối lập tương ứng trong cảm thán: cảm thán hiển ngôn/ cảm thán hàm ngôn; cảm thán chân/ cảm thán ngụy; cảm thán độc thoại/ cảm thán đối thoại. Bài viết này sẽ đi sâu vào việc trình bày một số vấn đề

về "cảm thán hiển ngôn" và "cảm thán hàm ngôn" nhìn từ góc độ ngữ dụng học.

2. Hiển ngôn và hàm ngôn là những khái niệm thường được nói đến trong ngữ dụng học. Chúng ta có thể xem xét ví dụ: (1) *Thế đê không sao cứ lại với thế nước!* (Phạm Duy Tốn, *Sống chết mặc bay*)

Nếu xét nghĩa từng từ, ta có thể xác định được nghĩa đen của mỗi từ: *đê*: là cái khối đất được đắp cao lên dọc theo bờ sông để ngăn nước sông lên cao vào mùa mưa lũ tràn vào đồng ruộng, làng xóm; *nước*: là chất lỏng không màu, không mùi, không vị; *cứ*: là chống đỡ; *thế*: là vị thế, là khả năng, là sức mạnh của ai đó hay cái gì đó. Ý của lời ở đây là: con đê yếu đã không ngăn cản được nước lũ mạnh. Nhưng mặt khác, ta cũng thấy được cái ý tiền giả định là: trước đó, con đê ấy đã từng cứ lại được bao lần nước to. Còn cái ý hàm ẩn ở đây là: con đê sẽ bị vỡ, nước sẽ tràn vào và đồng ruộng, nhà cửa sẽ bị ngập lụt. Từ đó có thể suy ra, cái ý nghĩa hàm ẩn của câu: đó là sự lo lắng, sợ hãi và bất lực trước một thực tế: đê vỡ. Đó chính là cái nét nghĩa cảm thán tiềm ẩn trong câu. Nếu nhìn nhận câu (1) trong cả đoạn văn bản 6 câu kế tiếp nhau: (2) *Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cứ lại với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này, khúc đê này hỏng mất!* Có thể thấy rằng, câu "*Than ôi!*", "*Lo thay!*", "*Nguy thay!*" là ba câu cảm thán, dùng từ cảm thán. Nét nghĩa cảm thán biểu lộ rất rõ ràng trong câu. Đó là cảm thán

hiên ngôn. Những câu còn lại cũng là hai câu cảm thán nhưng dùng phương tiện biểu hiện là ngữ điệu cảm thán, nét nghĩa cảm thán không hiển lộ mà hàm ẩn trong câu. Ta gọi đó là cảm thán hàm ngôn. Có thể xác định hai khái niệm đó như sau:

- Cảm thán hiển ngôn: Nét nghĩa cảm thán hiển lộ trực tiếp qua ngôn từ được sử dụng trong câu cảm thán. Thuộc về loại này là những câu cảm thán chính danh dùng phương tiện biểu thị cảm thán là các từ cảm thán.

- Cảm thán hàm ngôn: Nét nghĩa cảm thán không hiển lộ trực tiếp mà hàm ẩn trong ngôn từ được sử dụng trong câu cảm thán. Thuộc về loại này là những câu cảm thán không chính danh như: câu cảm thán dùng một số dạng thức hỏi hoặc phủ định đặc biệt hay dùng ngữ điệu cảm thán. Có thể thấy rõ hơn về những điều đó qua các ví dụ sau: (3) [*Tầm tầm giờ cũ đổ mưa/ Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm !/ Cô đơn, buồn lại thêm buồn*] / *Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi ?* (Nguyễn Bính, *Người hàng xóm*); (4) *Khốn nạn, chề đâu mà ăn, cơm còn không có nữa là chề !* (Nam Cao, *Nghèo*); (5) [*Bác già tôi cũng già rồi*] / *Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là !* (Nguyễn Khuyến - *Khóc Dương Khuê*). Trong ví dụ (3), ta thấy được cái nỗi buồn, lo, phấp phỏng, cái hi vọng mong manh đến mức gần như là thất vọng vì không biết có còn được nhìn thấy cô hàng xóm ra hiên hong tơ nữa hay không chứ không phải là sự mong đợi, buồn, lo về con bướm bướm trắng trong cái nghĩa nguyên văn của câu. Con bướm bướm ấy chỉ như là một cái cớ, một sợi dây liên lạc tình cờ giữa hai người hàng xóm ấy mà thôi. Cái hàm ý cảm thán đã được suy ra nhờ các phương tiện cảm thán. Trong ví dụ (4), thực từ "*khốn nạn*" đã nói lên được cái thực tế cuộc sống khổ sở, thiếu thốn của một gia đình nghèo, của những con người khốn khổ, khốn nạn theo đúng nghĩa đen của những từ này. Nhưng cái sự khốn nạn ấy không chỉ là về vật chất mà cả về tinh thần. Trong câu chuyện, khi người bố hỏi: "*Lúc này mẹ con mày ăn cơm phải không?*" / và "*cái Gái gượng cười, cãi: Ăn chề đấy chứ !*". Chính câu trả lời không đúng sự thật của đứa con gái còn bé đã làm cho người bố thấy đau lòng. Đau lòng vì thương con, đau lòng vì thấy đứa con đã nói dối để bố khỏi

buồn, nhưng đau lòng hơn cả là nỗi đau tự dày vò, tự trách mình của người bố. Cái hàm ý cảm thán chính là đã ẩn trong cái nỗi đau không thể nói hết ra được ấy của người cha. Trong hình thức ngôn ngữ biểu hiện, chính cái ý nghĩa cảm thán hàm ẩn trong thực từ "*khốn nạn*" càng được bộc lộ rõ hơn, khi được dùng trong câu, với tính chất là ý nghĩa cảm thán hàm ẩn của câu.

Với ví dụ (5), cái hàm ý cảm thán của câu càng đặc biệt hơn. Trước hết, ta hãy xét ý nghĩa từ vựng ngữ pháp của từ "*thôi*" qua một số ví dụ trích trong tác phẩm tất đên của Ngô Tất Tố: (6) *Thôi, liệu mà vay mượn, bán chác mau lên, cố lo cho đủ tiền sưu, rồi đem anh ấy về nhà.* (trang 55); (7) *Thôi ông ! Làm gì mà nóng tính thế.* (trang 59); (8) *Thôi ! Con lạy ông !* (trang 59); (9) *Thôi ! Em xin ông quyền.* (trang 65). Từ "*thôi*" trong tiếng Việt thường được sử dụng rất thông dụng khi người nói muốn truyền đạt một nội dung thông báo có ý nghĩa như muốn dừng lại một hoạt động nào đó đang được tiến hành trước đó. Từ "*thôi*" thường đứng đầu câu, hay nói cụ thể và chính xác hơn là đứng trước nòng cốt câu và làm thành một bộ phận độc lập với nòng cốt câu hoặc có thể đứng tách ra làm thành một câu độc lập.

Có thể chính với những đặc điểm cú pháp tương đồng với từ cảm thán như vậy mà nhiều khi nó được dùng với hàm ý cảm thán. Ví dụ như trong các câu sau: (10) *Thôi, cứ gọi là tan xương !* (Nam Cao, *Chí Phèo*); (11) *Thôi thôi, vốn liếng đi đời nhà ma!* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*); (12) *Thôi đành tạm biệt nuốt sâu gương vui!* (Tú Mỡ, *Khóc người vợ hiền*). Trong những trường hợp này, phần nòng cốt câu thường có nội dung thông báo về một cái gì đó mất mát, buồn bã, tiếc thương cao độ v.v gây nên cảm xúc bất thường cho người nói. Chính vì vậy mà câu có hàm ý cảm thán. Khi sử dụng kết hợp với từ cảm thán thì hàm ý cảm thán đó sẽ được nhận biết rõ hơn. Ví dụ: (13) *Ôi thôi, chú mày ơi !* (Tô Hoài, *Đế mèn phiêu lưu ký*); (14) *Ôi, thôi thôi !* (Nguyễn Đình Chiểu, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Từ "*thôi*" với hàm ý cảm thán còn xuất hiện ở vị trí khác trong câu dưới dạng kết hợp "...*thì thôi*", "...*là thôi*" biểu thị ý bất lực, chấp nhận một sự thật đau buồn, bất khả kháng. Ví dụ: (15) *Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi !* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*);

(16) *Cũng là thôi, cũng là đành.* (Nguyễn Bình, *Lỡ bước sang ngang*)

Đặc biệt, những câu sử dụng kết hợp: "**Thôi thì thôi**", "**Thôi thế thì thôi**" với nội dung cực kì súc tích và nét nghĩa vô cùng phong phú của từ "**thôi**" đã khiến cho cái hàm ý cảm thán của câu trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết. Ví dụ: (17) *Thôi thì thôi có tiếc gì!* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*); (18) *Kiếp này, thôi thế thì thôi còn gì!* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*); (5) - *Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!* (Nguyễn Khuyến, *Khóc Dương Khuê*). Trong ví dụ (5) cách sử dụng từ "**thôi**" của Nguyễn Khuyến quả là đặc sắc, độc đáo và cũng rất tài tình, thâm thúy. "*Biết thôi*": bởi vì "*bác già tôi cũng già rồi*", đôi bạn tri kỉ, vui buồn có nhau, đã cùng nếm trải mọi thăng trầm trong cuộc đời thế sự, hiểu biết về cái quy luật muôn đời của sự sinh tồn và mất mát - thế thì vào cái thời điểm cuối đời ấy, chỉ cần biết cho nhau thôi, hiểu cho nhau thôi là đủ và mọi lời nói đều là thừa. Đây là lời tâm sự của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê. Người ngoài cuộc, nếu không biết được những sự kiện không vui trong quan hệ giữa hai người thì sẽ không hiểu hết hàm ý của hai từ "*biết thôi*". Cái ý tiền giả định ở đây là rất rộng. Giữa hai người trước đây đã từng có sự bất đồng về thái độ chính trị trước thời cuộc và khi Dương Khuê cộng tác với tân triều thì Nguyễn Khuyến cảm thấy xót xa, đau đớn. Nhưng vào cái giây phút chia li đôi ngả âm dương ấy, người ta dễ thông cảm cho nhau mọi sự trên đời và bỏ qua cho nhau tất cả cho nên "*biết (cho nhau) thôi*" và "**thôi, thế thì thôi**" (không nhắc lại những gì không vui nữa) - chỉ giữ lại những gì tốt đẹp thì như thế "*mới là*" tình bạn chân thành. Thật là một câu thơ súc tích và chất chứa bao nỗi niềm tình cảm - Và cái hàm ý cảm thán của câu chỉ có thể được nhận biết nếu hiểu được cái ý tiền giả định đó.

3. Tựu trung lại, vấn đề cần nhận thấy ở đây là: lí do cần thiết phải sử dụng hình thức cảm thán hàm ngôn là gì? Việc sử dụng ngôn ngữ nói chung có một đặc điểm rất khái quát là: "ý tại ngôn ngoại". Trong hoạt động giao tiếp xã hội, có những điều có thể nói thẳng ra được, có những điều lại không thể nói thẳng vì nhiều lí do: Có những lí do thuộc về ngôn ngữ (chẳng hạn do cơ chế ngôn ngữ), có

những lí do nằm ngoài ngôn ngữ (chẳng hạn do phải lịch sự, tế nhị trong giao tiếp, do xu hướng thẩm mỹ, v.v. ...). Trong một câu, ngoài những điều đã được nói rõ ra (những ý nghĩa biểu lộ, nghĩa nguyên văn) còn có những điều không nói ra mà vẫn được người ta nhận ra (đó là những tiền giả định, những hàm ý của câu). Với câu cảm thán cũng thế. Ta có thể có những câu cảm thán thuộc loại cảm thán "nổi" - cảm thán hiển ngôn và những câu cảm thán thuộc loại cảm thán "chìm", cảm thán ở dạng tiềm ẩn - cảm thán hàm ẩn. Bởi vì việc sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống, không phải lúc nào người ta cũng có thể bộc lộ cảm thán một cách rõ ràng, trực tiếp được. Cảm thán phải được bộc lộ đúng lúc, đúng chỗ, đúng mức độ thì mới có hiệu quả. Có nhiều lí do buộc người ta phải sử dụng hình thức cảm thán hàm ngôn tùy theo từng tình huống. Chẳng hạn: để biểu thị cảm xúc buồn bã, cô đơn và cả tâm trạng phân vân, hồ nghi, người ta có thể dùng câu cảm thán có dạng câu hỏi (như ví dụ 3); để biểu thị một cách vừa cụ thể, vừa khái quát một tâm trạng phức tạp, đa chiều, người ta có thể dùng câu cảm thán có thực từ biểu thị ý cảm thán (như ví dụ 4); để biểu thị một cảm xúc tế nhị, kín đáo người ta có thể dùng câu cảm thán với ngữ điệu cảm thán và cách dùng từ, chơi chữ tinh tế (như ví dụ 5), v.v. Như vậy, các hình thức cảm thán hàm ngôn là rất đa dạng phong phú và giàu ý nghĩa. Những hình thức này thường được dùng nhiều trong các văn bản nghệ thuật như thơ ca, truyện, tiểu thuyết và cả trong khẩu ngữ hàng ngày. Trong đời sống thường nhật của con người, nhu cầu biểu thị cảm thán là rất cao. Vì vậy, các hình thức thể hiện cảm thán đa dạng càng làm cho cuộc sống của chúng ta phong phú hơn. Nhờ đó, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và đời sống vốn đã mật thiết thì ngày càng mật thiết hơn.

#### Tài liệu tham khảo

1. George Yule (2002), *Dùng học* (bản dịch tiếng Việt do GS Diệp Quang Ban tổ chức dịch và hiệu đính), Nxb ĐHQG HN, Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dùng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG HN, Hà Nội
3. Wallace L.Chafe (1998), *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ*, Nxb GD, Hà Nội.

(Ban biên tập nhận ngày 05-09-2013)